



Dương Văn Chất
SQ. 39/149427

Dương Văn Chất
39/149427

Nguyễn Thị Loan

Dương Thị Mai Loan

Dương Tiến Dũng

Dương Tiến Dũng

Dương Thị Kim Loan



Điêu Văn Chất
39/149422

Nguyễn Thị Loan

Điêu Thị Mai Loan

Điêu Tiến Dũng

Điêu Tiến Dũng

Điêu Thị Kim Loan



Đường Văn Chất
39/149422

Nguyễn Thị Loan

Đường Thị Mai Loan

Đường Tiến Dũng

Đường Tiến Dũng

Đường Thị Kim Loan



Đường quốc lộ



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : Yes, No

EXIT VISA: Yes No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM DƯƠNG VĂN THẬT
Last Middle First

Current Address 443/166 Lê Văn Sĩ F. 12 Q. 3 HCM City VN

Date of Birth 1. 15. 1939 Place of Birth HA NAM MYH VN

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 6. 23. 75 To 1. 11. 84
6 9 years

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : DƯƠNG VĂN THẬT
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1 Nguyễn Thị Lan	1945	Wife
2 Dương Quốc Công	1962	son
3 Dương Thị Thu Tâm	1964	daughter
4 Dương Tiến Dũng	1966	son
5 Dương Thị Mai Loan	1969	daughter
6 Dương Thị Kim Loan	1971	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : ____ Yes, ____ No

EXIT VISA: ____ Yes ____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM DUPH VAN TRAI
Last Middle First

Current Address 443/46 LE VAN SI F12 Q3 HCMC CITY VN

Date of Birth 1.15.39 Place of Birth HA NAM NINH VN

Previous Occupation (before 1975) CAPTAIN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 6.23.75 To 01-11.84
(94)

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : DƯƠNG VAN THAT
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1 NGUYEN THI LAN	1945	wife
2 DƯƠNG QUỐC CÔNG	1962	son
3 DƯƠNG THỊ THU AN	1964	daughter
4 DƯƠNG TIẾN DŨNG	1966	son
5 DƯƠNG THỊ MẠI LOAN	1969	daughter
6 DƯƠNG THỊ KIM LOAN	1971	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV 1

Date:

Ngày:

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : Dương Văn Đạt Sex:
Phái Nam
2. Other Names
Họ, tên khác : Không
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 15/01/1939 Gia Viễn Hà Nam Ninh
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 443/46 Lê văn Sĩ F12 Q3
TP Hồ Chí Minh
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 443/46 Lê văn Sĩ F12 Q3
TP Hồ Chí Minh
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Không

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cũng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-ý: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>Nguyễn Thị Lan</u>	<u>09/2/1945</u>	<u>Gia Viễn Hà Nam Ninh</u>			<u>Vợ</u>
2. <u>Dương Quốc Cường</u>	<u>09-9-1963</u>	<u>Miền Tây Hà Nam Ninh</u>			<u>Con</u>
3. <u>Dương Thị Thu</u>	<u>Tuần 21-8-1964</u>				<u>Con</u>
4. <u>Dương Văn Dũng</u>	<u>30-10-1966</u>				<u>Con</u>
5. <u>Dương Thị Mai/Lan</u>	<u>09-5-1969</u>	<u>Thị trấn Hà Nam Ninh</u>			<u>Con</u>
6. <u>Dương Thị Kim Loan</u>	<u>01-2-1971</u>	<u>Gia Viễn Hà Nam Ninh</u>			<u>Con</u>
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cũng đi với bạn thì ghi địa-chỉ hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, Tên

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

c. Address

Địa-chỉ

D. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

c. Address

Địa-chỉ

3. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

Đường Văn Tiến (chết)

2. Mother

Mẹ

Nguyễn Thị Nhỏ (chết)

3. Spouse

Vợ/Chồng:

Nguyễn Thị Loan

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children

Con cái:

(1)

Đường Quốc Cống

(2)

Đường Thị Thu Tâm

(3)

Đường Văn Dũng

(4)

Đường Thị Mai Loan

(5)

Đường Thị Kim Loan

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em:

(1)

Đường Thị Trâm Chi

(2)

Đường Thị Trại Chi

(3)

Đường Linh Anh em

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn-Phòng :

Length of Employment

Thời-gian làm-việc

From:

Từ

To:

Tới

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ:

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc :

2. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn-Phòng :

Length of Employment

Thời-gian làm việc

From:

Từ

To:

Tới

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ:

Reason for Separation

Lý-do nghỉ-việc :

3. Employee Name

Tên họ nhân-viên :

Position title

Chức-vụ :

Agency/Company/Office

Số/Hàng/Văn-Phòng :

Length of Employment

Thời gian làm việc

From:

Từ

To:

Tới

Name of American Supervisor

Tên họ giám-thị Mỹ:

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc :

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving

Họ tên người tham-gia:

Đường Văn Toàn

2. Dates:

Ngày, tháng, năm

From:

Từ

To:

Tới

8-2-1963

30-4-1975

3. Last Rank

Cấp-bậc cuối-cùng

Đại úy

Serial Number:

Số thẻ nhân-viên:

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ/số/Đơn-Vị Binh-Chung

Địa phương quân

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy

Trương Văn Sĩ

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ :
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Viet-Nam :
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: Date received:
Phân-thưởng hoặc giấy khen: Cờ mặt kết ca Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes No .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-băng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đừng sợ có không? Có Không .)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____
2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường : _____
3. Dates: From To
Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học : _____
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No .)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-băng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : Đường Văn Đạt
2. Time in Reeducation: From: To:
Thời gian học-tập Từ: 23/6/1975 Đến: 11/01/1984
3. Still in Reeducation?* Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có Không Kg

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Các chú phụ-thuộc

Tất cả mọi giấy tờ đều thất lạc

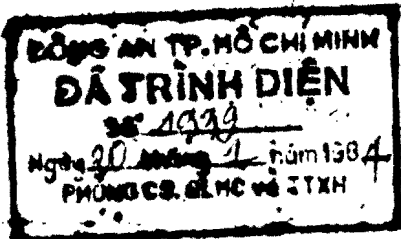
Signature Date
Ký tên : Ngày: 28-12-1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

TRƯỜNG

Số: 80 / 537

Ngày 11/01/1984



0:0:0:8:7:8:1:6:0:0:2

CHỖ RA TRẠI

Căn cứ thị số 3/75 ngày 22 tháng 1 năm 1975 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với Minh sỹ nhân viên cơ quan nhà nước bị bắt, giam giữ do sự lừa dối phải phục vụ hiện tại bị bắt giam ở trại.

Căn cứ thành tư lệnh Bộ Quốc phòng Việt Nam số 11/1975 của Thủ tướng Chính phủ.

Đã được quyết định số: 112 ra ngày 12/01/1983 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CHỖ RA TRẠI

Dương Văn Thát

43

Ninh Bình

42/46 Nguyễn Văn Trỗi, Quận 3 TP. HCM

39/140 427. Sở: Đại úy.

phụ tá ban 3 ĐPQ

Sai tạo Khá

Hồ Thị Ninh

thành phố

12 tháng

04

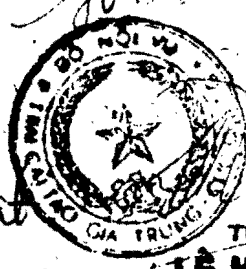
200 đ

Lưu ý: người phải ra trại là người đã được

Chỉ: Dương Văn Thát

3882 Quân sự

Dương Văn Thát



THIẾT TẾ LÊ HỮU PHÚC

Ch. I 22/83

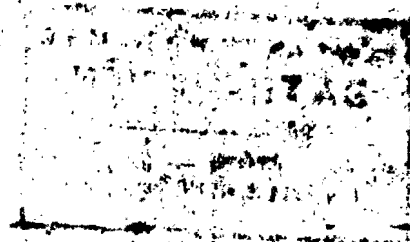
Xin có đến trình báo tại địa phương

ngày 16.07.84

thực hiện báo



Tổ chức Hùng



TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Quận Ba

Số hiệu 507

U/6

TÊN HỌ NGƯỜI CHỒNG Dương Văn Thất

nghề - nghiệp Hộ gia đình
sinh ngày mười lăm tháng giêng năm một ngàn chín
trăm ba mươi chín tại huyện Gia Viễn, Ninh Bình (Bắc
phần)
cư trú tại Saigon, 413/22B Trương Minh Giảng
tạm trú tại
Tên họ cha chồng Dương Văn Tiên (sống)
(Sống chết phải nói)
Tên họ mẹ chồng Nguyễn Thị Nhỏ (sống)
(Sống chết phải nói)

TÊN HỌ NGƯỜI VỢ Nguyễn Thị Lan

nghề - nghiệp Thợ may
sinh ngày chín tháng hai năm một ngàn chín
trăm bốn mươi lăm tại Trung Đồng, Ninh Bình (Bắc
phần)
cư trú tại Saigon, 453/BIA Trương Minh Giảng
tạm trú tại
Tên họ cha vợ Nguyễn Văn Tách (sống)
(Sống chết phải nói)
Tên họ mẹ vợ Nguyễn Thị Sáu (sống)
(Sống chết phải nói)

Ngày cưới 30 tháng 8 năm 1961

Vợ chồng khai ~~có~~ không lập hôn khế

ngày tháng năm

MIỄN LỆ-PHÍ
Bề nọ Hộ-Sở Quận-Đô

TRÍCH LỤC Y BỒN CHÍNH : .

Saigon, ngày 9 tháng 12 năm 1966

TL. Quận-Trưởng Quận Ba,
Viên-Chức Hộ-Tịch,



NGUYỄN-PHƯỚC-HÒA

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-~~PHÁP~~ NAM-PHẦN

TÒA HÒA-GIẢI ĐÓ-THÀNH
SAIGON

Lục sao y bản chánh để lại phòng Lục-Sự Tòa Hòa-Giải Saigon

Số 590/1957/HG.

Ngày 2 tháng 1 năm 1957

GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH CHO

DƯƠNG VAN THAT

Năm một ngàn chín trăm 57 ngày 7 tháng 1 hồi 7 giờ 30.

Trước mặt chúng tôi là HUYNH KIAC DUNG Thẩm-Phán Tòa Hòa-Giải

Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự

NGUYEN KIM PHONG phụ-tá

ĐÃ TRÌNH DIỆN :

1.— DƯƠNG THI KIEN

2.— DƯƠNG VAN CHIEU

3.— DƯƠNG VAN RIEM

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

DƯƠNG VAN THAT

sinh ngày 15/1/1939 tại Hốu Giáp Ninh Bình con của

Đ. DƯƠNG VAN TIEN và bà NGUYEN THI NHO -

Và duyên-cớ mà khai-sanh được, là vì sự giao-thông gián-đoạn -

chưa y -

không có thể xin sao-lục

Mấy nhân-chứng đã xác nhận trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai-sanh này cho đương-sự để xử dụng theo luật, chiếu theo Nghị-Định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ hình-luật canh-cải phạt tội nguy-chứng và việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ :



Lục-sao y,

06

tháng

11

năm 19

61

Lục-Sự,

GIÁ TIỀN : 5\$00

SỞ TƯ - PHÁP
TRUNG - PHÂN

TOA, SỞ - THAM
QUẢNG - NAM QUẢNG - NGÃI
tại ĐÀ - NẴNG

CHỨNG THƯ THAY GIẤY

KHAI-SINH

số

5424

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Năm/một nghìn chín trăm ~~trăm~~ năm ~~mười~~ tám
ngày ~~Mong sau~~ tháng ~~mười~~ ~~trăm~~ hồi ~~tam~~ giờ

Trước mặt chúng tôi là

Tu-Dũng

Chánh Án Tộc Sơ Tham Quảng - Nam Quảng - Ngãi tại ĐÀ-NANG ngồi tại
văn phòng có Ông ~~Nai-quan-Triết~~ Lục sự giúp việc

CÓ ĐẾN HẦU TÒA

10) ~~Trần-Hùng~~ 29 tuổi, trú ngụ tại ~~KBC.4418~~
Căn-cước số ~~Quân-nhân~~ cấp tại ~~KBC.4418~~ ngày ~~19.4.1957~~
20) ~~Trần-công-Minh~~ 34 tuổi, trú ngụ tại ~~KBC.4418~~
căn cước số ~~Quân-nhân~~ cấp tại ~~KBC.4418~~ ngày
30) ~~Trần-Văn-Chan~~ tuổi trú ngụ tại ~~KBC.4269~~
căn cước số ~~Quân-nhân~~ cấp tại ~~KBC.4269~~ ngày

Những người chứng nói trên, sau khi thề nói tất cả sự thật và chỉ có sự thật đã khai và

chứng nhận biết rõ:

~~Nguyễn-Thị-Lan~~ Quốc-tịch ~~Việt-Nam~~ sinh ngày ~~Mồng chín~~
tháng ~~hai~~ năm ~~Một ngàn chín trăm bốn mươi lăm~~
tại ~~Trung-Dũng, Gia-Viên tỉnh Ninh-Bình~~
là con của Ông ~~Nguyễn-Văn-Tịch~~ và Bà ~~Nguyễn-Thị-Sum~~

Mấy người này quả quyết rằng ~~Nguyễn-văn-Tịch~~
không thể xuất nạp giấy KHAI-SINH ~~con y~~ được vì lẽ sổ hộ-tịch chánh quán
bị phá hủy bởi những biến cố chiến-tranh, hoặc bản chánh bị thất lạc.

Mấy người chứng đã nhận thật những lời khai ở trên, nên chúng tôi chiếu các điều
46 Bức - Việt-Hộ luật lập tờ chứng thư này thay thế giấy KHAI-SINH
cấp cho ~~Nguyễn-văn-Tịch~~ để nạp hồ-sơ

Những người chứng sau khi nghe đọc bản văn này, đã ký tên cùng chúng tôi và Lục-sự

Người đứng khai: ~~Nguyễn-văn-Tịch~~ Những người chứng: ~~Trần-Hùng~~ Chánh-Án: ~~Tu-Dũng~~ Lục-sự: ~~Nai-quan-Triết~~
~~Trần-công-Minh~~
~~Trần-văn-Chan~~

Tem bản chính:

Trước bạ thu:

Trước bạ tại ~~Đà-nang~~ ngày ~~22-10-58~~

Quyển ~~13~~ tờ ~~33~~ số ~~1801~~

CHỦ - SỰ ký tên

Sao y bản chính

TL. Chánh Lục-sự

~~Trần-trạch-ho-tịch~~



ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chính Quận

5063-B

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

sau mươi hai, (1962)
Năm một ngàn chín trăm

Tên, họ đứa nhỏ	DƯƠNG QUỐC CONG
Phái	nam
Ngày sanh	một tháng chạp, năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai, 15 giờ 55'
Nơi sanh	Saigon, 284, đường Cong-Quyên
Tên, họ người Cha	DƯƠNG VĂN THẬT
Tuổi	hai mươi ba tuổi
Nghề-nghiệp	Công nhân
Nơi cư-ngụ	Saigon, 413/22-B, đường Trương-mi- liang
Tên, họ người mẹ	NGUYỄN THỊ LAN
Tuổi	muoi bảy tuổi
Nghề-nghiệp	thợ may
Nơi cư-ngụ	Saigon, 413/22-B, đường Trương-mi- liang.
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

MIỄN LỆ-PHÍ
HỒ-SƠ QUẢN-ĐỘI

Saigon, ngày 5 tháng 9 năm 1962

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÁNH:

08 / 08 năm 1962
QUẬN-TRƯỞNG QUẬN

ĐANG-HỮN-KUYNH

ĐÔ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

TOÀ HÀNH-CHÁNH QUẬN NHỊ

Số hiệu 5.931-B

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn (1964)

Tên, họ đứa nhỏ.	DƯƠNG THỊ THU TÂM
Phối	nữ
Ngày sanh.	hai mươi mốt tháng tám, năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn, Ông 50.
Nơi sanh.	Sàigòn, 284, đường Cống-Quỳnh
Tên, họ người Cha	DƯƠNG VĂN THẮT
Tuổi	hai mươi lăm
Nghề-nghiep.	Quân nhân
Nơi cư ngụ	Sàigòn, 413/22-B, đường Trương-minh-Giăng
Tên, họ người mẹ.	NGUYỄN THỊ LAN
Tuổi	mười chín
Nghề-nghiep.	nội trợ
Nơi cư ngụ.	Sàigòn, 413/22-B, đường Trương-minh-Giăng
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 29 tháng 8 năm 1964

TRÍCH-LỤC Y BỐN/CHÁNH:

QUẬN TRƯỞNG QUẬN NHỊ, tháng II năm 1966



QUANG KIM XƯƠNG

NAM - PHÂN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

ĐÔ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

TVO

TOÀ HÀNH-CHÁNH QUẬN NHÌ

Số hiệu : 8958-A

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu (1966)

Tên, họ đứa nhỏ.	DƯƠNG TIẾN DUNG
Phối	Nam
Ngày sanh.	Ba mươi tháng mười năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu 1966
Nơi sanh.	Saigon 284 Giang Quỳnh
Tên, họ người Cha	DƯƠNG VĂN THẮT
Tuổi	Hai mươi bảy
Nghề nghiệp.	Quan nhân
Nơi cư ngụ	Saigon, 413/22 Trương Minh Giảng
Tên, họ người mẹ.	Nguyễn thị Lan
Tuổi	Hai mươi một tuổi
Nghề nghiệp.	Thợ may
Nơi cư-ngụ.	Saigon, 413/22 Trương Minh Giảng
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Tôi nói :

Có hai vợ một chồng và thêm
vào một con.

Xin đọc lại : Hai mươi bảy.

Saigon, ngày 7-11-1966

KT. Quận Trưởng, Quận 2,

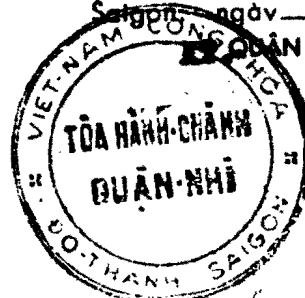
QUẬN HỮU XƯƠNG

Lập tại Saigon, ngày 31 tháng 10 năm 1966

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÁNH :

Saigon, ngày 7 tháng 11 năm 1966

KT. QUẬN-TRƯỞNG QUẬN. NHÌ,



QUẬN HỮU XƯƠNG

Số Hiệu 655

KHAI SANH

TRÍCH X TRONG BỘ-CHÁNH

THÁI HIỆP-THÀNH

NGÀY 17 tháng 5 năm 1969

CHỦ-TỊCH UBND XÃ

KIỂM HỘ-TỊCH



VĂN THUẬN

CHỦ-TỊCH UBND XÃ
KIỂM HỘ-TỊCH
VĂN THUẬN



NGUYỄN-VĂN-BẮC

Tên, họ đủ-nhi	DƯƠNG-THỊ-MAI-LOAN
Phái	- NỮ -
Sinh	chín tháng năm dương lịch năm một ngàn (Ngày, tháng, năm) chín trăm sáu mươi chín
Tại	Thái-Hiệp-Thành
Cha (tên họ)	Dương-văn-Thất
Tuổi	Ba mươi tuổi
Nghề-nhiệp	Quân-Nhân
Cư-trú tại	Thái-Hiệp-Thành
Mẹ (tên họ)	Nguyễn-thị-Lan
Tuổi	Hai mươi bốn tuổi
Nghề-nhiệp	Nội-Trợ
Cư-trú tại	Thái Hiệp-Thành
Vợ (Chánh hay thôi)	Vợ Chánh
Người khai (tên họ)	Dương-văn-Thất
Tuổi	Ba mươi tuổi
Nghề-nhiệp	Quân-Nhân
Cư-trú tại	Thái Hiệp-Thành
Ngày khai	Mười bốn tháng năm dương lịch năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín
Người chứng thứ nhất (tên họ)	Nguyễn-văn-Sử
Tuổi	Ba mươi chín tuổi
Nghề-nhiệp	Quân-Nhân
Cư-trú tại	Thái Hiệp-Thành
Người chứng thứ nhì (tên họ)	Nguyễn-văn-Chân
Tuổi	Hai mươi bốn tuổi
Nghề-nhiệp	Cán-Bộ
Cư-trú tại	Thái Hiệp-Thành

làm tại xs TÂY-NINH ngày 14 tháng 5 1969

NGƯỜI-KHAI,	HỘ-TỊCH,	NHÂN CHỨNG,
Ký tên : THẤT	CHỦ-TỊCH UBND XÃ	SỬ
	KIỂM HỘ-TỊCH	Ký tên : CHÂN
	VĂN THUẬN	
	(ký tên)	

KHAI SANH

Tên họ ấu nhi : Dương-thị-KIM-LOAN

Phái : Nữ

Sanh : Một tháng hai dương-lịch

(Ngày tháng năm)
Năm một ngàn chín trăm bảy mươi mốt

Tại : Thái-hiệp-Thạnh

Cha : Dương-van-Thất
(Tên, họ)

Tuổi : Ba mươi hai tuổi

Nghề-nghiep : Quân-nhân

Cư-trú tại : Thái-hiệp-Thạnh

Mẹ : Nguyễn-thị-LAN
(Tên, họ)

Tuổi : Hai mươi sáu tuổi

Nghề nghiệp : Nội trợ

Cư-trú tại : Thái-hiệp-Thạnh

Vợ : Vợ chánh
(Chánh hay thứ)

Người khai : Dương-van-Thất
(Tên họ)

Tuổi : Ba mươi hai tuổi

Nghề nghiệp : Quân-nhân

Cư trú tại : Thái-hiệp-Thạnh

Ngày khai Mai tháng hai dương-lịch
Năm một ngàn chín trăm bảy mươi mốt

Người chứng thứ nhất : Nguyễn-Tấn-Tài
(Tên họ)

Tuổi : Bốn mươi ba tuổi

Nghề nghiệp : Quân-nhân

Cư trú tại : Thái-hiệp-Thạnh

Người chứng thứ nhì : Nguyễn-van-Tài
(Tên họ)

Tuổi : Ba mươi mốt tuổi

Nghề nghiệp : Quân-nhân

Cư trú tại : Thái-hiệp-Thạnh

Làm tại Tây-Minh, ngày 2 tháng 4 năm 19 71

Người khai,

Hộ tịch,

Nhân chứng

Ký tên : Thất

Ủy-viên Hộ-tịch
Kỏ-van-Khanh
Ký tên

Ký tên Tài
Tài

TRICH Y TRONG BỘ CHANH :

Thái-hiệp-Thạnh

Ngày 6 tháng 2 đl.1971

Ủy-viên Hộ-tịch,



ỦY-VIÊN QUẢN LÝ QUÂN-VĂN-KHANE

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 329845 CN

Họ và tên chủ hộ : Nguyễn Thị Lan

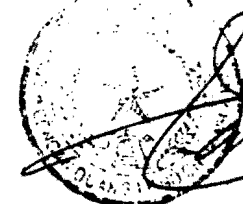
Ấp, ngõ, số nhà : 443/45

Thị trấn, đường phố : Nguyễn Văn Trỗi

Xã, phường : PHƯỜNG MƯỜI HAI

Huyện, quận : 3

Ngày 10 tháng 3 năm 1982
Trưởng công an : (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)


[Signature]

Số NK 3 :

A. QUỲN - TÂN - GI

2

[illegible]

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 329845 CN

Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Thị Lan

Ấp, ngõ, số nhà: 443/45

Thị trấn, đường phố: Nguyễn Văn Trỗi

Xã, phường: Phường Mười Hai

Huyện, quận: Quận 3

Ngày 10 tháng 3 năm 1982

Trưởng công an: Q3

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)


[Signature]

Số NK 3:

NGUYỄN-TÂN-CHÍ

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐO-THÀNH SAIGON

Quận Ba

Số hiệu 507

11/6

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

TÊN HỌ NGƯỜI CHỒNG Dương Văn Thút

nghề - nghiệp

Học sinh

sinh ngày mười lăm

tháng giêng

năm một ngàn chín

trăm ba mươi chín

cur trú tại Saigon, 415/22B Trương Minh Giảng

tạm trú tại

Tên họ cha chồng

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng

(Sống chết phải nói)

Dương Văn Tiền (sống)

Nguyễn Thị Nhỏ (sống)

TÊN HỌ NGƯỜI VỢ Nguyễn Thị Lan

nghề - nghiệp

Thợ may

sinh ngày chín

tháng hai

năm một ngàn chín

trăm bốn mươi lăm

tại Trung Đông, Ninh Bình (Bắc
phần)

cur trú tại Saigon, 453/81A Trương Minh Giảng

tạm trú tại

Tên họ cha vợ

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ

(Sống chết phải nói)

Nguyễn Văn Tách (sống)

Nguyễn Thị Sáu (sống)

Ngày cưới 30 tháng 8 năm 1961

Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế

ngày

tháng

năm

MIỄN LỆ-PHÍ
Bố mẹ Hô-Sơ Quốc-Đài

TRÍCH LỤC Y BỒN CHÍNH : •

Sàigòn, ngày 9 tháng 12 năm 1961

TL. Quận-Trưởng Quận Ba,
Viên-Chức Hộ-Tịch,

NGUYỄN-PHƯỚC-HÒA



SỞ TƯ - PHÁP

TRUNG - PHẦN

TOA SỞ - THẨM

QUẢNG - NAM QUẢNG - NGÃI

tại ĐÀ - NANG

CHỨNG THƯ THAY GIẤY

KHAI-SINH

số

5424

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Năm một nghìn chín trăm năm mươi tám

Mong sau

tháng

nhất

hồi

tuần

giờ

ngày

Trước mặt chúng tôi là

Tu-Dong

Chánh Án Túc Sơ Thẩm Quảng - Nam Quảng - Ngãi tại ĐÀ - NANG ngồi tại

văn phòng có Ông

Mai-quan-Triết

Lục sự giúp việc

CÓ ĐẾN HẦU TÒA

10) Trần-Hùng 29

tuổi, trú ngụ tại

KBC.4418

Căn-cước số

Quân-nhân

cấp tại

KBC.4418

ngày

19.4.1957

20) Trần-công-Minh 34

tuổi, trú ngụ tại

KBC.4418

căn cước số

Quân-nhân

cấp tại

KBC.4418

ngày

30) Trần-Văn-Chân

tuổi, trú ngụ tại

KBC.4269

căn cước số

Quân-nhân

cấp tại

KBC.4269

ngày

Những người chứng nói trên, sau khi thề nói tất cả sự thật và chỉ có sự thật đã khai và

chứng nhận biết rõ:

Nguyễn-Thị-Lan

Quốc-tịch Việt-Nam

sinh ngày

Mong chín

tháng

hai

năm

Một ngàn chín trăm bốn mươi lăm.

tại

Trung-Dong, Gia-Viên tỉnh Ninh-Bình

là con của Ông

Nguyễn-Văn-Tịch

và Bà

Nguyễn-Thị-Sun

Mấy người này quả quyết rằng

Nguyễn-văn-Tịch

không hề xuất nạp giấy KHAI-SINH

con y

được vì lẽ sổ hộ-tịch chánh quán

bị phá hủy bởi những biến cố chiến-tranh, hoặc bản chánh bị thất lạc.

Mấy người chứng đã nhận thật những lời khai ở trên, nên chúng tôi chiếu các điều

46 Bài -

Việt-Hộ luật lập tờ chứng thư này thay thế giấy KHAI-SINH

cấp cho

Nguyễn-văn-Tịch

để nạp hồ-sơ

Những người chứng sau khi nghe đọc bản văn này, đã ký tên cùng chúng tôi và Lục-sự

Người đứng khai:

Những người chứng

Chánh-Án

Lục-sự

Nguyễn-văn-Tịch

Trần-Hùng

Trần-công-Minh

Trần-văn-Chân

Tu-Dong Mai-quan-Triết

Tem bản chính:

Trước bạ thân:

Trước bạ tại Đà-nang ngày 22-10-58

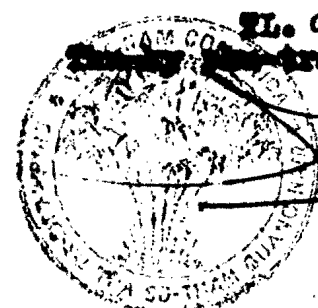
Quyển 13 tờ 33 số 1801

CHỦ - SỰ ký tên

Sao y bản chánh

Trở Chánh Lục-sự

Trở Chánh Lục-sự



BỘ TƯ-PHÁP

Số 590/1957/T.G.

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

Ngày 7 tháng I năm 1957

TÒA HÒA-GIẢI ĐO-THÀNH
SAIGON

GIẤY THẾ-VÌ KHAI-SANH CHO

DƯƠNG VAN THAT

Năm một ngàn chín trăm 57 ngày 7 tháng I giờ 7 giờ 30.

Trước mặt chúng tôi là HUYNH KHAC DUNG Thẩm-Phán Tòa Hòa-Giải

Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự

NGUYEN KIM PHONG phụ-tá

ĐÃ TRÌNH DIỆN :

1.— DUCNG THI KIEN

2.— DUCNG VAN CHIEU

3.— DUCNG VAN RIEM

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

DUCNG VAN THAT

sinh ngày 15/1/1939 tại Hườn Giáp Ninh Bình con của

O.DUCNG VAN TIEN và bà NGUYEN THI NHO -

Về duyên-cớ mà khai-sanh được, là vì

chưa y -

sự giao-thông gián-đoạn -

không có thể xin sao-lục

Mấy nhân-chứng đã xác nhận trên đây, nên chúng tôi phát giấy thế-vì khai-sanh này cho đương-sự đề xử dụng theo luật, chiếu theo Nghị-Định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ hình-luật canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ :



Lục-sao y,

06

tháng

II

năm 19

61

Lục-Sự.

GIÁ TIỀN : 5\$00

ĐÔ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

TVC

TOÀ HÀNH-CHÁNH QUẬN NHI

Số hiệu : 8958-A

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sau mươi sáu (1966)

Tên, họ đứa nhỏ.	DƯƠNG TIẾN DUNG
Phối	Nam
Ngày sanh.	Ba mươi tháng mười năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu 15/10/66
Nơi sanh.	Saigon 284 Công Quay
Tên, họ người Cha	DƯƠNG VĂN THẮT
Tuổi	Hai mươi bảy
Nghề nghiệp.	Quan nhân
Nơi cư ngụ	Saigon, 413/22 Trương minh Giảng
Tên, họ người mẹ.	Nguyễn thị Lan
Tuổi	Hai mươi một tuổi
Nghề-nghiệp.	Thợ may
Nơi cư-ngụ.	Saigon, 413/22 Trương minh Giảng
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Tôi nói :

Ông bị bỏ một chu và thả
vào một chu.

Xin đọc lại : Hai mươi bảy.

Saigon, ngày 7-11-1966

K.T. Quan-Trưởng Quận 2,

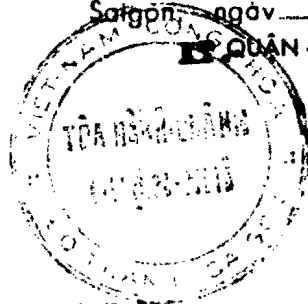
QUẬN-HỮU-XƯƠNG

Lập tại Saigon, ngày 31 tháng 10 năm 1966

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÁNH :

Saigon, ngày 7 tháng 11 năm 1966

K.T. QUAN-TRƯỞNG QUẬN NHI,



QUẬN-HỮU-XƯƠNG

ĐÔ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

TOÀ HÀNH-CHÁNH QUẬN NHỊ

Số hiệu 5.95I-B

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn (1964)

Tên, họ đứa nhỏ.	DƯƠNG THỊ THU TÂM
Phối	nữ
Ngày sanh.	hai mươi mốt tháng tám, năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn, Ogi 50.
Nơi sanh.	Sàigòn, 284, đường Cống-Quỳnh
Tên, họ người Cha	DƯƠNG VĂN THẮT
Tuổi	hai mươi lăm
Nghề-nghệp.	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	Sàigòn, 413/22-B, đường Trương-minh-Giăng
Tên, họ người mẹ.	NGUYỄN THỊ LAN
Tuổi	mười chín
Nghề-nghệp.	nội trợ
Nơi cư-ngụ.	Sàigòn, 413/22-B, đường Trương-minh-Giăng
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 29 tháng 8 năm 1964

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH :

Saigon, ngày 11 tháng 11 năm 1964

QUẢN TRƯỞNG QUẬN NHỊ,



NGUYỄN HỮU-XƯƠNG

ĐO. THÀNH SAIGON

NHII

Tòa Hành-Chính Quận

5063-B

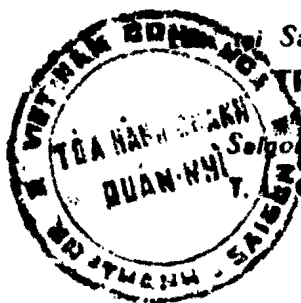
HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm ^{sau mươi hai, (1962)}

Tên, họ đứa nhỏ.	DƯƠNG QUỐC CÔNG
Phái.	NAM
Ngày sanh.	Một tháng chạp, năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai, 15 giờ 55'
Nơi sanh.	Saigon, 284, đường Công-Quynh
Tên, họ người Cha.	DƯƠNG VĂN THẮT
Tuổi.	hai mươi ba tuổi
Nghề-nghiep.	Công nhân
Nơi cư-ngụ.	Saigon, 413/22-B, đường Trường-Nghĩa-Quang
Tên, họ người mẹ.	NGUYỄN THỊ LAN
Tuổi.	mười bảy tuổi
Nghề-nghiep.	thợ may
Nơi cư-ngụ.	Saigon, 413/22-B, đường Trường-Nghĩa-Quang.
Vợ chánh hay thứ.	Vợ chánh

MIỄN LỆ-PHÍ
HỒ-SÚ. QUẢN-ĐỘI



Saigon, ngày 5 tháng 9 năm 1962

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÁNH:

Saigon, ngày 08 tháng 08 năm 1962

QUẢN-TRƯỞNG QUẬN

QUẢN-TRƯỞNG QUẬN

Số Hiện 655

KHAI SANH

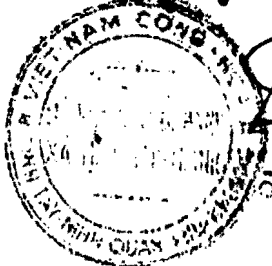
TRÍCH Y TRONG BỘ-CHÁNH

THÁI HIỆP-THẠNH

NGÀY 17 tháng 5 năm 1969

CHỦ-TỊCH UBND XÃ

KIỂM HỘ-TỊCH



VĂN THUẬN

CHỦ-TỊCH UBND XÃ
KIỂM HỘ-TỊCH
VĂN THUẬN



NGUYỄN-VĂN-BÁ

Tên, họ đủ-nhi	DƯƠNG-THỊ-MAI-LOAN
Phối	- NỮ -
Sinh	chín tháng năm dương lịch năm một ngàn (Ngày, tháng, năm)
	chín trăm sáu mươi chín
Tại	Thái-Hiệp-Thạnh
Cha	Dương-văn-Thất
(Tên họ)	
Tuổi	Ba mươi tuổi
Nghề-nghiep	Quân-Nhân
Cư-trú tại	Thái-Hiệp-Thạnh
Mẹ	Nguyễn-thị-Lan
(Tên họ)	
Tuổi	Hai mươi bốn tuổi
Nghề-nghiep	Nô-lä-Trä
Cư-trú tại	Thái Hiệp-Thạnh
Vợ	Vợ Chánh
(Chánh hay thö)	
Người khai	Dương-văn-Thất
(Tên họ)	
Tuổi	Ba mươi tuổi
Nghề-nghiep	Quân-Nhân
Cư-trú tại	Thái Hiệp-Thạnh
Ngày khai	Mười bốn tháng năm dương lịch năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín
Người chứng thứ nhất	Nguyễn-văn-Sử
(Tên họ)	
Tuổi	Ba mươi chín tuổi
Nghề-nghiep	Quân-Nhân
Cư-trú tại	Thái Hiệp-Thạnh
Người chứng thứ nhì	Nguyễn-văn-Chân
(Tên họ)	
Tuổi	Hai mươi bốn tuổi
Nghề-nghiep	Cán-Bộ
Cư-trú tại	Thái Hiệp-Thạnh

Làm tại xã TÂY-NINH ngày 14 tháng 5 năm 1969

NGƯỜI-KHAI,

HỘ-TỊCH,

NHÂN CHỨNG,

Ký tên : THẤT

CHỦ-TỊCH UBND XÃ

SỬ

KIỂM HỘ-TỊCH

Ký tên :

CHÂN

VĂN THUẬN

(ký tên)

KHAI SANH

Tên họ ấu nhi : Dương-thị-KIM-LOAN
 Phái : Nữ
 Sinh : Một tháng hai dương-lịch
 (Ngày tháng năm) Năm một ngàn chín trăm bảy mươi một
 Tại : Thái-hiệp-Thạnh
 Cha : Dương-van-Thất
 (Tên, họ)
 Tuổi : Ba mươi hai tuổi
 Nghề-nghiep : Quân-nhân
 Cư-trú tại : Thái-hiệp-Thạnh
 Mẹ : Nguyễn-thị-LAN
 (Tên, họ)
 Tuổi : Hai mươi sáu tuổi
 Nghề nghiệp : Nội trợ
 Cư-trú tại : Thái-hiệp-Thạnh
 Vợ : Vợ chánh
 (Chánh hay thứ)
 Người khai : Dương-van-Thất
 (Tên, họ)
 Tuổi : Ba mươi hai tuổi
 Nghề nghiệp : Quân-nhân
 Cư trú tại : Thái-hiệp-Thạnh
 Ngày khai Hai tháng hai dương-lịch
Năm một ngàn chín trăm bảy mươi một
 Người chứng thứ nhất : Nguyễn-Tấn-Tài
 (Tên họ)
 Tuổi : Bốn mươi ba tuổi
 Nghề nghiệp : Quân-nhân
 Cư trú tại : Thái-hiệp-Thạnh
 Người chứng thứ nhì : Nguyễn-van-Tài
 (Tên họ)
 Tuổi : Ba mươi một tuổi
 Nghề nghiệp : Quân-nhân
 Cư trú tại : Thái-hiệp-Thạnh

TRICH Y TRONG BỐ CHANH :
 Thái-hiệp-Thạnh
 Ngày 6 tháng 2 đl.1971
 Ủy-viên Hộ-tịch,



KHO-VAN-KHANH

Làm tại Tây-Ninh, ngày 7 tháng 2 năm 19 71

Người khai,

Hộ tịch,

Nhân chứng

Ký tên : Thất

Ủy-viên Hộ-tịch
 KỖ-VAN-KHANH

Ký tên

Ký tên Tài
 Tài

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with CVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: Đường văn Chát

2. Dates: From: _____ To: _____
Ngày, tháng, năm Từ 8-2-1963 Đến 30-4-1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Đại úy Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: _____

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung : Địa phương Quan

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : Trần Văn Bui văn Giang

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc : _____
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ : _____
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ
tại Viet-Nam : _____
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: _____ Date received: _____
Phân-thưởng hoặc giấy khen: Cá biệt biệt Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes _____ No _____.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đừng sợ có không? Có _____ Không _____.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____
2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường : _____
3. Dates: From _____ To _____
Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học : _____
5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes _____ No _____.)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có _____ Không _____)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : Đường Văn Chất
2. Time in Reeducation: From: _____ To: _____
Thời gian học-tập Từ: 23/6/1975 Đến: 11/01/1984
3. Still in Reeducation? * Yes _____ No _____
Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có _____ Không - Kh

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Các chú phụ-thuộc

Tất cả mọi giấy tờ đều thất lạc

Signature

Ký tên : _____

Date

Ngày: _____

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____

Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc được viết bằng Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

Basic Identification Data/Lý Lịch căn bản

Name

Họ, tên

: Dương Văn Đạt

Sex:

Phái

Nam

Other Names

Họ, tên khác

: Không

Date/Place of Birth

Ngày/Nơi Sinh

: 15/01/1939 Gia Viên Hà Nam Ninh

Residence Address

Địa-chỉ thường-trú

: 443/46 Lê Văn Sĩ Phường 12 Q3
TP Hồ Chí Minh

Mailing Address

Địa-chỉ thư-tử

: 443/46 Lê Văn Sĩ F 12 Q 3
TP - Hồ Chí Minh

Current Occupation

Nghề-nghiệp hiện tại

: Không

Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).

CHÚ-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa-phu/góa-thê (W), hoặc độc thân (S)

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. Nguyễn Thị Lan	09/2/1945	Gia Viên Hà Nam Ninh			130
2. Dương Quốc Cường	01-9-1962	Miền Tây Hà Nam Ninh			con
3. Dương Thị Thu Tiên	21-8-1964				con
4. Dương Tiến Dũng	30-10-1966				con
5. Dương Thị Mai Loan	09-5-1969	Thanh Quyết Hà Nam Ninh			con
6. Dương Thị Kim Loan	01-2-1971	Gia Viên Hà Nam Ninh			con
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa-phu/góa-thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cũng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

c. Address
Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác.

a. Name
Họ, tên

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

c. Address
Địa-chỉ

- D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

2. Mother
Mẹ

3. Spouse
Vợ/Chồng

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có)

5. Children
Con cái

- (1)
(2)
(3)
(4)
(5)
(6)
(7)
(8)
(9)

6. Siblings
Anh chị em

- (1)
(2)
(3)
(4)
(5)
(6)
(7)
(8)
(9)

Dương Văn Giàu (chết)

Nguyễn Thị Mỏ (chết)

Nguyễn Thị Loan

Dương Quốc Công

Dương Thị Thu Tâm

Dương Văn Dũng

Dương Thị Mai Loan

Dương Thị Kim Loan

Dương Thị Tâm Chi

Dương Thị Trại Chi

Dương Chí Hải An

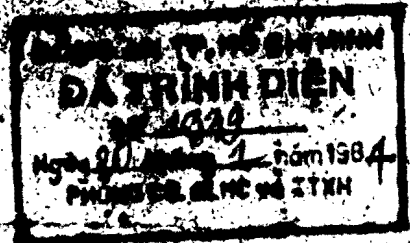
ĐOÀN YU
1000 A CPH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

TRAI GIẤY TRƯNG

Số: 10 / 537

Giấy Trưng, Ngày 11 tháng 01 năm 1984



SUSLO: 0 0 0 8 7 8 1 6 0 0 2

GIẤY RA TRAI

Căn cứ chỉ thị số 316/TT, ngày 22 tháng 8 năm 1977 của Thủ tướng Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sỹ nhân viên cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng Nội vụ số 07 tháng 11 năm 1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện quyết định số: 112 ngày 01 tháng 12 năm 1983 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRAI

Họ và tên: Đường Văn Thiết sinh năm: 1939

Sinh quán: Ninh Bình

Trú quán: kh 3/46 Nguyễn Văn Trỗi, Quận 3 TP. HCM

Số lính: 39/14942 Cấp bậc: Đại úy

Chức vụ: phụ tá ban 3 ĐPQ

Trong thời kỳ chính quyền quân sự và các tổ chức chính quyền phản động của chế độ cũ.

Lý do ra: Sai phạm

Khả năng phải tiếp tục trình bày giải quyết với ủy ban phân công an xã, phường thuộc huyện, quận, 03 tỉnh

thành phố: Hồ Chí Minh và phải tuân theo các qui định của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quản chế về nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

Thời gian quản chế: 12 tháng

Thời gian đi tù: 04 ngày (kể từ ngày cấp giấy ra trại)

Mức và lương thực đi đường đã cấp: 200000

Lãnh ngôn trợ trợ pháp luật ký của người

- Căn: Đường Văn Thiết được cấp giấy

- Anh bạn: 3882

- Địa tại: Quận 3

Công thức tên: Đường Văn Thiết



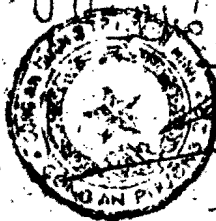
THỰC TẾ
LÊ HỮU PHONG

CA. I 22 Q3

Xin cấp đơn trình báo tại địa phương

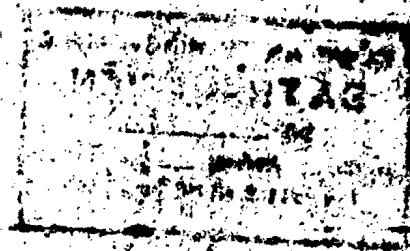
ngày 16.01.85

Thưa báo



Paul

Tô Đình Hùng



Saigon, Ngày 12 / 11 / 1968.

Kính Bà.

Tôi trân trọng đã nhận được thư của Bà về ngày 28/8/68 và tôi xin đa tạ tấm lòng ưu ái Bà đã dành cho gia đình chúng tôi,

Tôi kính xin Bà giúp và cùng xét duyệt lý của tôi với chính sách nhân đạo thuộc diện chính sách chung, được chấp thuận cấp 1 giấy lợi cho sớm khám bệnh, cũng theo chứng trình ra đi có bất tài ODP.

Tôi cũng xin báo là tất cả những giấy tờ của tôi chẳng may bị thiên lụy và chiến lược, bởi vì tôi bị trai cái tạo khốn cực về, tôi hy vọng xin bà sớm dành sự đặc biệt cho gia đình tôi, và toàn thể những người cùng độ cảnh như tôi.

Gia đình tôi xin thành thực cảm ơn Bà xin ơn trên ban cho Bà được mọi sự an lạc.

tôi xin vãn tất, hình xin
Bà hiểu nhiều cho chị tôi, vì
ấy người ^{em} hoàn cảnh như tôi hiện
nay rất là khó khăn lắm
Một lần nữa xin đa tạ tấm
lòng tốt của Bà. Tôi hy vọng chắc sẽ
được sớm trả lời. Hình thư

Chị

Đừng vãn thất.

INTAKE FORM
MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

(5) f

NAME (TÊN) : Dương Văn Thất
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (1)
DATE, PLACE OF BIRTH : 1st 15th 1939
(NĂM, NƠI SINH ĐẺ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (1)
SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : Female (Nữ) :
MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married (có lập gia đình)
(Tình trạng gia đình)
ADDRESS IN VIETNAM : 443/46, ward 22, ind 3th district
(Địa chỉ tại VN) : HO CHI MINH City
POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) : No
: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : 23.6.1975 To (Đến) : 11/8
PLACE OF RE-EDUCATION : Tam Hiệp camp, yên bay, LẠO KAY, GIA-TRUNG
CAMP (TRẠI TÙ)
PROFESSION (Nghề Nghiệp) : Viet-Nam ARMY -
EDUCATION IN U.S. : NO
(DỰ HỌC TẠI MỸ)
VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : Captain
VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : S-3 Date (1)
(Trong chính phủ VN)
APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : IV Number (số hồ sơ) : NO : NO
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) :
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2
MAILING ADDRESS IN VN : 443/46 ward 22, 3th District, Lê Văn
(Địa chỉ liên lạc tại VN) : Sử Street HO CHI MINH City
NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : 22/10/80
(Tên, Địa chỉ Thân nhân : NO
hay Người Bảo Tró)
U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : NO : No (Không)
RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) :
NAME AND SIGNATURE :
ADDRESS OF INFORMANT
(Tên, Địa Chỉ, Chữ Ký, BT của người điền đơn này)
DATE : 06.6.1988
Dương Văn Thất

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV /

Date:

Ngày: 12-11-1988

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : Dương Văn Chất Sex: Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 15-1-1939 gia Viên Ninh Bình
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 443/46 Lê Văn Sỹ Phường 12 quận 3 thành phố Hồ Chí Minh.
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : _____
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : _____

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa-phụ/góa-thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>Nguyễn Thị Lan</u>	<u>9-2-1945</u>	<u>Trung ương Ninh Bình</u>	<u>W</u>	<u>U</u>	<u>U</u>
2. <u>Dương Quốc Công</u>	<u>1-9--62</u>	<u>Saigon</u>	<u>M</u>	<u>C</u>	<u>C</u>
3. <u>Dương Thị Tâm</u>	<u>21-8</u>	<u>6h Saigon</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>S</u>
4. <u>Dương Tiến Dũng</u>	<u>30-10-66</u>	<u>Saigon</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>S</u>
5. <u>Dương Thị Mai Loan</u>	<u>9-5-69</u>	<u>Tây Ninh</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>S</u>
6. <u>Dương Thị Kim Loan</u>	<u>1-2-71</u>	<u>Tây Ninh</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>S</u>
7. _____	_____	_____	_____	_____	_____
8. _____	_____	_____	_____	_____	_____
9. _____	_____	_____	_____	_____	_____
10. _____	_____	_____	_____	_____	_____
11. _____	_____	_____	_____	_____	_____
12. _____	_____	_____	_____	_____	_____

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, gia-thứ (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa-phụ/góa-thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn thì cần điền với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

c. Address
Địa-chỉ

d. Date of Relatives Arrival
In the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

c. Address
Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

2. Mother
Mẹ

3. Spouse
Vợ/Chồng

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có)

5. Children
Con cái

6. Siblings
Anh chị em

Dương Văn Liên (chết)

Nguyễn Thị Hòa (chết)

Dương Văn Chết

Nguyễn Thị Lan

- (1) Dương Quốc Long
- (2) Dương Thị Thu Trâm
- (3) Dương Tiến Dũng
- (4) Dương Thị Mai Loan
- (5) Dương Thị Kim Loan
- (6)
- (7)
- (8)
- (9)

- (1) Dương Thị Trâm
- (2) Dương Thị Trại
- (3) Dương Chết rồi
- (4)
- (5)
- (6)
- (7)
- (8)
- (9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: Dương Văn Chắt

2. Dates: From: _____ To: _____
Ngày, tháng, năm Từ 8-2-1963 Đến 30-4-1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Đại úy Serial Number: _____
Số thẻ nhân-viên: _____

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung : Địa phương quân

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : Trung Tá Bùi Văn Giảng

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phân-thưởng hoặc giấy khen:

Mặt huy chương

Date received:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes No.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.

Đừng sợ có không? Có Không.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Tới:

4. Description of Courses:

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

Dương Văn Chất

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

Từ:

To:

Tới:

23-6-1975

Tới:

11-1-1984

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

1 giấy hồ sơ

1 đơn thư

7 tài liệu

7 giấy khai cho tại người

Signature

Ký tên:

Dương Văn Chất

Date

Ngày:

12-11-1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Quận Ba

Số hiệu 507

u/6

TÊN HỌ NGƯỜI CHỒNG Dương Văn Thất

nghề - nghiệp

Học sinh

sinh ngày mười lăm

tháng giêng

năm một ngàn chín

trăm ba mươi chín

tại thôn giáp, Ninh Bình (Bắc

phần)

cư trú tại Saigon, 413/22B Trương Minh Giảng

tạm trú tại

Tên họ cha chồng

Dương Văn Tiên (sống)

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng

Nguyễn Thị Nhỏ (sống)

(Sống chết phải nói)

TÊN HỌ NGƯỜI VỢ Nguyễn Thị Lan

nghề - nghiệp

Thợ may

sinh ngày chín

tháng hai

năm một ngàn chín

trăm bốn mươi lăm

tại Trung Đồng, Ninh Bình (Bắc

phần)

cư trú tại Saigon, 455/81A Trương Minh Giảng

tạm trú tại

Tên họ cha vợ

Nguyễn Văn Tách (sống)

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ

Nguyễn Thị Sáu (sống)

(Sống chết phải nói)

Ngày cưới 30 tháng 8 năm 1961

Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế

ngày

tháng

năm

MIỄN LỆ-PHÍ
Đế nay Hồ-Sa Quận-Đô tại

TRÍCH LỤC Y BỒN CHÍNH : .

Sài Gòn, ngày 9 tháng 12 năm 1961

TL. Quận-Trưởng Quận Ba,
Viên-Chức Hộ-Tịch,

NGUYỄN-PHƯỚC-HÒA



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

TÒA HÒA-GIẢI ĐÔ-THÀNH
SAIGON

Lục-sao y bản chính để tại phòng Lục-Sự Tòa Hòa Giải Saigon 4/7/62

Số _____ / 19

Ngày 7 tháng 1 năm 1957

GIẤY THẾ-VÌ KHAI-SANH CHO DUONG-VAN-THAT.

Năm một ngàn chín trăm **nam mươi bảy** ngày 7 tháng 1, hồi 10 giờ
Trước mặt chúng tôi là **HUYNH-KHAC-DUNG**, Thẩm-phán Tòa Hòa-Giải
Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
NGUYEN-KIM-PHONG phụ-tá

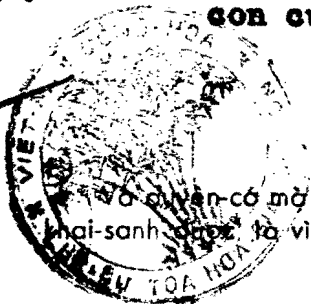
ĐÃ TRÌNH DIỆN :

1. — **DUONG-THI-KHEN**
2. — **DUONG-VAN-CHIEU**
3. — **DUONG-VAN-RIEM**

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

DUONG-VAN-THAT

sinh ngày 15/1/1939 tại làng Giap, Ninh-Binh,
con của Duong-Van-Tien và Nguyễn-Thi-Nho.



cha nó không có thể xin sao-lục
su giao thông bị gian đoạn.

Mấy nhân-chứng đã xác-nhận trên đây, nên chúng tôi phát giấy thế-vì khai-sanh này
cho đương-sự để xử dụng theo luật, chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11 năm 1947
của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của
bộ hình-luật canh-cải, phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc
từ 50 đến 2.000 quan đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ :

GIÁ TIỀN : 5300



Lục-sao y,

12 tháng Ba năm 1959.

Lục-Sự.

SỞ TƯ - PHÁP
TRUNG - PHẦN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TOA SƠ - THẨM
QUẢNG - NAM QUẢNG - NGÃI
tại ĐÀ - NẴNG

Năm một nghìn chín trăm ~~quăm~~ **năm** mới tan
ngày **Mồng sáu** tháng **mười** hồi **tam** giờ
Trước mặt chúng tôi là **Tu-Dộng**

CHỨNG THƯ THAY GIẤY
KHAI-SINH

Chánh Án Túc Sơ Thẩm Quảng - Nam Quảng - Ngãi tại ĐÀ-NANG ngồi tại
văn phòng có Ông **Mai-xuân-Triết** Lục sự giúp việc

số **5424**

CÓ ĐẾN HẦU TÒA

10) **Trần-Hùng 29** tuổi, trú ngụ tại **KBC.4418**
Căn-cước số **Quân-nhân** cấp tại **KBC.4418** ngày **19.4.1957**
20) **Trần-công-Minh 34** tuổi, trú ngụ tại **KBC.4418**
căn cước số **Quân-nhân** cấp tại **KBC.4418** ngày
30) **Trần-Văn-Chân 28** tuổi trú ngụ tại **KBC.4269**
căn cước số **Quân-nhân** cấp tại **KBC.4269** ngày

Những người chứng nói trên, sau khi thề nói tất cả sự thật và chỉ có sự thật đã khai và

chứng nhận biết rõ :

Nguyễn-Thị-Lan Quốc-tịch **Việt-Nam** sinh ngày **Mồng chín**
tháng **hai** năm **Một ngàn chín trăm bốn mươi lăm.**
tại **Trung-Dũng, Gia-Viễn tỉnh Ninh-Bình**
là con của Ông **Nguyễn-Văn-Tịch** và Bà **Nguyễn-Thị-Sứ**

Mấy người này quả quyết rằng **Nguyễn-Văn-Tịch**
không thể xuất nạp giấy **KHAI-SINH** **con y** được vì lẽ sổ hộ-tịch chánh quán
bị phá hủy bởi những biến cố chiến-tranh, hoặc bản chánh bị thất lạc.

Mấy người chứng đã nhận thật những lời khai ở trên, nên chúng tôi chiếu các điều
46 **Đức** Việt-Hộ luật lập tờ chứng thư này thay thế giấy **KHAI-SINH**
cấp cho **Nguyễn-văn-Tịch** để nạp hồ-sơ

Những người chứng sau khi nghe đọc bản văn này, đã ký tên cùng chúng tôi và Lục-sự

Người đứng khai :
Nguyễn-văn-Tịch

Những người chứng
Trần-Hùng
Trần-công-Minh
Trần-văn-Chân

Chánh-Án
Tu-Dộng **Mai-xuân-Triết**

Lục-sự

Tem bản chính :

Trước bạ thâu :

Trước bạ tại **Đà-nang** ngày **22-10-58**

Quyền **13** tờ **33** số **1801**

CHỦ - SỰ ký tên

Sao y bản chính

Chánh Đặc-sự

Tu-Dộng **Mai-xuân-Triết**

ĐÔ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

TOÀ HÀNH-CHÁNH QUẬN **NHỊ**Số hiệu : **5.063-B**

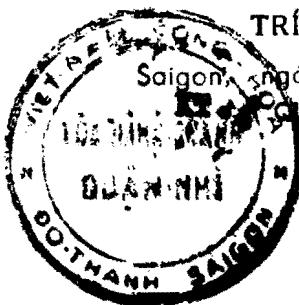
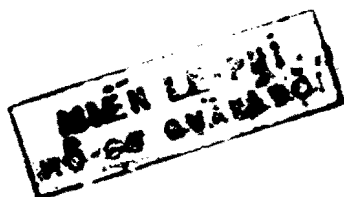
TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm **sáu mươi hai (1962)**

Tên, họ đứa nhỏ.	DƯƠNG QUỐC CONG
Phối	nam
Ngày sanh.	một tháng chín, năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai, 15 giờ 35'
Nơi sanh.	Sàigòn, 284, đường Cống-Quỳnh
Tên, họ người Cha	DƯƠNG VĂN THẮT
Tuổi	hai mươi ba tuổi
Nghề-nghiep.	Công nhân
Nơi cư-ngụ	Sàigòn, 413/22-B, đường Trương-minh- Giăng.
Tên, họ người mẹ.	NGUYỄN THỊ LAN
Tuổi	mười bảy tuổi
Nghề-nghiep.	thợ may
Nơi cư-ngụ.	Sàigòn, 413/22-B, đường Trương-minh- Giăng.
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày **5** tháng **9** năm 1962

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày **II** tháng **II** năm 1966QUẬN - TRƯỞNG QUẬN **NHỊ**.

QUANG HỮU-XƯƠNG

ĐÔ - THÀNH SAIGON

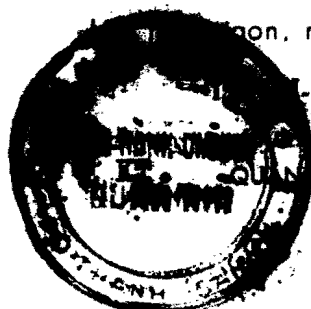
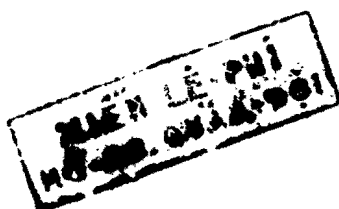
HỘ - TỊCH

TOÀ HÀNH-CHÁNH QUẬN NHÌSố hiệu : 5.93I-B

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn (1964)

Tên, họ đứa nhỏ.	DƯƠNG THỊ THU TAM
Phối	nữ
Ngày sanh.	hai mươi mốt tháng tám, năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn, Ông 50.
Nơi sanh.	Sàigòn, 284, đường Cống-Quỳnh
Tên, họ người Cha	DƯƠNG VĂN THẮT
Tuổi	hai mươi lăm
Nghề-nghiep.	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	Sàigòn, 413/22-B, đường Trương-minh-Giăng
Tên, họ người mẹ.	NGUYỄN THỊ LAN
Tuổi	mười chín
Nghề-nghiep.	nội trợ
Nơi cư-ngụ.	Sàigòn, 413/22-B, đường Trương-minh-Giăng
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh



Sàigòn, ngày 29 tháng 8 năm 1964

TRÍCH LỤC Y BỐN CHÁNH :

II tháng II năm 1964

QUẢN TRƯỞNG QUẬN NHÌ

QUANG-HỮU-KUONG

ĐÔ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

TVC

TOÀ HÀNH-CHÁNH QUẬN NHI

Số hiệu : 8958-A

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu (1966)

Tên, họ đứa nhỏ.	DƯƠNG TIEN DUNG
Phối	Nam
Ngày sinh.	Ba mươi tháng mười năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu 15/10/66
Nơi sinh.	Saigon 284 Cong Quynh
Tên, họ người Cha	DƯƠNG VAN THAT
Tuổi	Hai mươi bảy
Nghề nghiệp.	Quan nhân
Nơi cư ngụ	Saigon, 413/22 Trương minh Giảng
Tên, họ người mẹ.	Nguyễn thị Lan
Tuổi	Hai mươi một tuổi
Nghề-nghiệp.	Thợ may
Nơi cư-ngụ.	Saigon, 413/22 Trương minh Giảng
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Tôi nói :

Cư boi bỏ một chu và thêm
vào một chu.

Xin đọc lại : Hai mươi bảy.

Saigon, ngày 7-11-1966
KT. QUẢN-TRƯỞNG QUẬN 2,

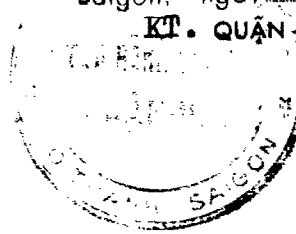
QUẢN-TRƯỞNG QUẬN 2

Lập tại Saigon, ngày 7 tháng 10 năm 1966

TRÍCH-LỤC BỘ CHÁNH :

Saigon, ngày 7 tháng 11 năm 1966

KT. QUẢN-TRƯỞNG QUẬN NHI, a



QUẢN-TRƯỞNG QUẬN 2

KHAI SANH

Tên họ ấu nhi :	Dương-Thị-HAI-LOAN
Phái :	Nữ
Sanh :	Chợa tháng năm dương-lịch
(Ngày tháng năm)	Đến một ngày của trên của nước của
Tại :	Thị-hiệp-thành
Cha :	Dương-văn-thiết
(Tên, họ)	Ba mươi tuổi
Tuổi :	Quân-quân
Nghề-nghiep :	Thị-hiệp-thành
Cư-trú tại :	Nguyễn-thị-HAI
Mẹ :	Hai mươi bốn tuổi
(Tên, họ)	Nội trợ
Tuổi :	Thị-hiệp-thành
Nghề nghiệp :	Tự chính
Cư-trú tại :	Dương-văn-thiết
Vợ :	Ba mươi tuổi
(Chánh hay thứ)	Quân-quân
Người khai :	Thị-hiệp-thành
(Tên họ)	Đến một ngày của trên của nước của
Tuổi :	Nguyễn-văn-cô
Nghề nghiệp :	Ba mươi bốn tuổi
Cư trú tại :	Quân-quân
Ngày khai :	Thị-hiệp-thành
Người chứng thứ nhất :	Nguyễn-văn-cô
(Tên họ)	Ba mươi bốn tuổi
Tuổi :	Quân-quân
Nghề nghiệp :	Thị-hiệp-thành
Cư trú tại :	Nguyễn-văn-cô
Người chứng thứ nhì :	Hai mươi bốn tuổi
(Tên họ)	Cô-ty
Tuổi :	Thị-hiệp-thành
Nghề nghiệp :	
Cư trú tại :	

TRICH I TRICH II CHANH :
Thị-hiệp-thành
Ngày 6 tháng 2 năm 1972
Nguyễn-thị-HAI



Làm tại Thị-hiệp, ngày 24 tháng 5 năm 1972

Người khai, Nguyễn-thị-HAI, Thị-hiệp-thành, Nguyễn-thị-HAI
Hộ tịch, Thị-hiệp-thành
Nhân chứng, Nguyễn-văn-cô, Thị-hiệp-thành

KHAI SANH

Tên họ ấu nhi: DƯƠNG-THỊ-KIM-LOANPhái: NữSanh: Một tháng hai dương-lịch

(Ngày tháng năm)

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi mộtTại: Thái-biệt-thànhCha: Dương-văn-thất

(Tên, họ)

Tuổi: Ba mươi hai tuổiNghề-nghiep: Quân-chiếnCư-trú tại: Thái-biệt-thànhMẹ: Nguyễn-thị-tân

(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi sáu tuổiNghề nghiệp: Nội trợCư-trú tại: Thái-biệt-thànhVợ: Vợ chính

(Chánh hay thứ)

Người khai: Dương-văn-thất

(Tên, họ)

Tuổi: Ba mươi hai tuổiNghề nghiệp: Quân-chiếnCư trú tại: Thái-biệt-thànhNgày khai: Một tháng hai dương-lịchNăm một ngàn chín trăm bảy mươi mộtNgười chứng thứ nhất: Nguyễn-văn-tài

(Tên, họ)

Tuổi: Bốn mươi ba tuổiNghề nghiệp: Quân-chiếnCư trú tại: Thái-biệt-thànhNgười chứng thứ nhì: Nguyễn-văn-tài

(Tên, họ)

Tuổi: Ba mươi một tuổiNghề nghiệp: Quân-chiếnCư trú tại: Thái-biệt-thành

THÀNH Y TƯỚNG BỘ CHANH

Thái-biệt-thành

Ngày 6 tháng 2 đ.1971

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Vợ chính

Làm tại Tây-Bình, ngày 02 tháng 02 năm 19 71

Người khai,

Hộ tịch,

Nhân chứng

Ký tên: ThấtKý tên: Nguyễn-văn-tàiKý tên: TàiKý tên: Nguyễn-văn-tài

Ký tên

---*---

Ngày 10 Tháng 5 Năm 1989

Kính gửi : Ông Dương Văn Thất

Thưa Ông/Bà,

Chúng tôi rất cảm động khi nhận được thư của Ông/Bà
đề ngày

Điều làm cho chúng tôi vui mừng hơn là được biết Ông/Bà
vẫn mạnh và kiên tâm chờ ngày đoàn tụ.

Mặc dù đường xá xa xôi, cách trở ngàn trùng, Ông/Bà vẫn
nhớ đến chúng tôi. Để đáp lại thịnh tình đó, chúng tôi luôn
luôn lo xúc tiến công việc, hy vọng mọi điều kiện thuận lợi
sớm đem lại kết quả mong muốn.

Tuy nhiên, chúng tôi thiên nghĩ chỉ lo dọn phụng dưỡng
những vấn đề về phía chúng tôi, còn phần bên phía Ông/Bà nên
tích cực tu lo về phần liên hệ của mình thì mới mong có kết
quả tốt đẹp.

Hơn nữa, chúng tôi cũng muốn lưu ý Ông/Bà, vấn đề kinh
tế không phải là một tiêu chuẩn, vì vậy ta nên tranh đua cấp
tối. Mong Ông/Bà hiểu cho điều này.

Câu chúc Ông/Bà may mắn và xin giữ vững niềm tin.

Kính thư,

Khúc Minh Thở

*** HỒ SƠ TÊN:

DƯƠNG VĂN THẤT

() ĐIỀN VÀO CÁC MẪU ĐÍNH KẸM: (hoãn về Hội mỗi mẫu 2 bản)

*** TÀI LIỆU CẦN BỔ TỤC:

- () Hồ sơ bảo trợ () IV# , () LOI , () Exit visa , () I-171 , (X) GIẤY RA TRẠI
() Giấy hộ tịch (khai sanh, hôn thú, giấy ly dị, khai tử v.v...
() Căn cước, chứng minh nhân dân, hình, giấy hộ khẩu v.v...
() Giấy bảo tử (nếu chẹt trong trại học tập)
() Tài liệu liên hệ đến tu nhân (mẫu câu hỏi ODP, Diploma, Certificate (nếu tu nghiệp ở Hoa Kỳ)
huy chương v.v...

*** CÁC THƯ KHÁC:

Saigon, ngày 8/6/89.

Thưa Bà,

Tôi đã nhận được thư của Bà vào ngày 29/5/89
và tôi xin đa tạ tấm lòng yêu ái của Bà dành
cho tôi.

Tôi và gia đình kính xin và gửi đồ và cúi xin
bình kỳ của tôi với tình cảm thân đạo, kính chào chung.
Tôi chấp thuận, và xin Bà chấp thuận Cặp cho tôi một
giấy LOI, hay bất cứ một thứ giấy mà thầy họ vợ và
có kết quả mà nay tôi đang mong muốn.

Thưa Bà. Tôi và gia đình thật cảm ơn Bà đã
dành cho chúng tôi, một lần nữa chúng tôi xin gửi vâng
mến tín & gửi gửi đồ của Bà.

Hình

Ch

BỘ NỘI VỤ
CỤC QL. VÀ CTEN

TRAI GIA TRUNG

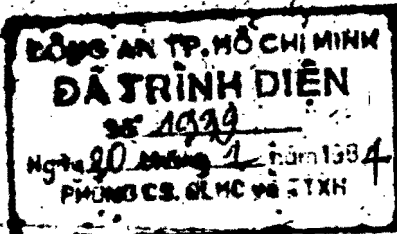
Số: 110 / 537

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

-X-X-X-X-

Gia Trung, Ngày 11 tháng 01 năm 1984



SUSLD: 0 0 0 8 7 8 1 6 0 0 2

GIẤY RA TRAI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22 tháng 8 năm 1977 của Thủ tướng Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sỹ nhân viên cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng Nội vụ số 07 tháng 11 năm 1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số: 112 ngày 01 tháng 12 năm 1983 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRAI

Họ và tên: Đường Văn Thát sinh năm: 1939

Sinh quán: Ninh Bình

Trú quán: 112/116 Nguyễn Văn Trỗi, Quận 3 TP. HCM

Số lính: 39/14912 Cấp bậc: Đại úy

Chức vụ: phụ tá ban 3 ĐPQ

Trong thời kỳ chính quyền quân sự và các tổ chức chính quyền phản động của chế độ cũ.

Lý do, thời: Sai tạo Khá

Khi về phải trực tiếp trình ngay giấy này với ủy ban nhân dân xã, phường thuộc huyện, quận 03 tỉnh

thành phố: Hồ Chí Minh và phải tuân theo các qui định của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quản chỗ ở nơi cư trú và các mặt quản lý khác.

- Thời gian quản chỗ: 12 tháng

- Thời gian đi đường: 04 ngày (kể từ ngày cấp giấy ra trại)

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: 200000

Lãnh nhận tay trợ pháp: Giữ kỷ của người

- Của: Đường Văn Thát được cấp giấy

- Danh bản: 3882

- Lập tại: Quận 3

- Công thức diện Đường Văn Thát



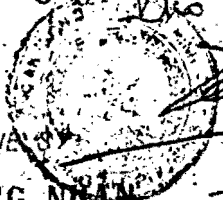
THỰC TẾ
LÊ HỮU PHÚC

CA. I. 22 Q3

Xin có đến trình diện tại đơn vị phòng

ngày 16.01.84

Thưa ban



Phu

Số: 104/84

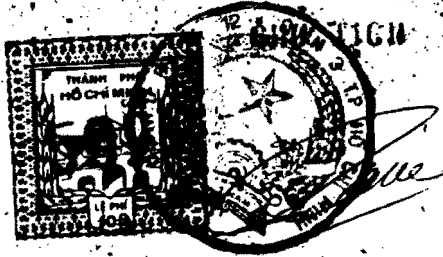
CHỦNG NHẬN
GIỐNG Y BAN CHÁNH

Tổ Đình Hùng

Xuất trình tại UBND Phường 12.

Ngày 6 tháng 6 năm 1984

TM. UBND PHƯỜNG 12



Nguyễn Văn Khoa

297794

☐ Hold

6/28
Notice

2ND Notice

Return

Issued from
Form 3049-
Oct 1935

Number of dependents accompanying

1. Nguyễn Thị Lan 1945 wife
2. Dương Quốc Công 1962 son Single
3. Dương Thị Thu Tâm 1964 Daughter Single
4. Dương Tân Dũng 1966 son -
5. Dương Thị Mai Loan 1969 Daughter -
6. Dương Thị Kim Loan 1971 Daughter -

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **021568150**

Họ tên: **DƯƠNG THỊ THU TÂM**

Sinh ngày: **21-8-1964**

Nguyên quán:

Hà Nam-Ninh.

Nơi thường trú: **443/46 Ng-V-1 r01**
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022108474**

Họ tên: **DƯƠNG VĂN THẮT**

Sinh ngày: **15-01-1939**

Nguyên quán: **Gia-Viên,**

Hà Nam-Ninh

Nơi thường trú: **443/46 Lê-Văn-Sĩ,**
P.22, Q.3, TP. Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN
T.P. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG TRUNG HỌC
VĂN HÓA NGHỆ THUẬT

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: **17/AN/ICN/KG**

Họ và Tên: **DƯƠNG TIẾN DUNG**

Sinh ngày: **1966** tại **Số 105**

Học viên lớp **2m văn học 6**

Chuyên ban **AM NHAC**

Hệ **T.H.CN** khóa **C**

Năm học **1985 / 1986**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022247676**

Họ tên: **DƯƠNG THỊ MAI LOAN**

Sinh ngày: **09-5-1969**

Nguyên quán: **Thanh Quyết,**

Hà Nam Ninh.

Nơi thường trú: **443/46 Lê Văn-Sĩ,**
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020630116**

Họ tên: **DƯƠNG QUỐC CÔNG**

Sinh ngày: **01-7-1962**

Nguyên quán: **Mưu Giáp,**

Hà Nam Ninh.

Nơi thường trú: **443/46 Ng-Văn-**
Tr01, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.

VIỆT-NAM CHX.HN
THẺ CÁN QUỐC

Số: **03902988**

Họ Tên: **NGUYỄN THỊ LAN**

Nơi sinh: **2-2-1945**

Quê quán: **Ninh Bình**

Chức vụ: **...**

Mã: **...**

Đã chỉ: **443/46 Ng-Văn-Tr01, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022108461**

Họ tên: **DƯƠNG THỊ KIM LOAN**

Sinh ngày: **01-2-1971**

Nguyên quán: **Gia-Viên,**

Hà Nam-Ninh

Nơi thường trú: **443/46 Lê-Văn-Sĩ,**
P.22, Q.3, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên Chúa	
	NGON TRÓ TRÁI
	NGON TRÓ PHẢI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH Sọc chấm cách 0,5cm sau mày phải.	
Ngày <u>22</u> tháng <u>4</u> năm <u>1986</u> T. <u>TRẦN THIỆN CHỨA</u> <u>Thiệp</u> CÁC TRƯỞNG TY CÔNG AN CÔNG AN QUẬN 3	

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên chúa	
	NGON TRÓ TRÁI
	NGON TRÓ PHẢI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH Sọc chấm cách 1cm trên trước đuôi mày phải	
Ngày <u>11</u> tháng <u>12</u> năm <u>1987</u> T. <u>TRẦN THIỆN CHỨA</u> <u>Thiệp</u> CÁC TRƯỞNG TY CÔNG AN CÔNG AN QUẬN 3	

Năm thứ _____	Đặc điểm nhận dạng
19 ____/19 ____	Địa chỉ thường trú <u>443/46</u> <u>Lê Văn Sĩ</u>
	Cao _____ nặng _____
	Dấu vết riêng theo CMND
Năm thứ _____	Ngày _____ tháng _____ năm 198
19 ____/19 ____	<u>TRẦN THIỆN CHỨA</u> <u>Thiệp</u> CÁC TRƯỞNG TY CÔNG AN CÔNG AN QUẬN 3

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên chúa	
	NGON TRÓ TRÁI
	NGON TRÓ PHẢI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH Sọc chấm cách 2cm trên sau đầu mày trái	
Ngày <u>18</u> tháng <u>12</u> năm <u>1985</u> T. <u>TRẦN THIỆN CHỨA</u> <u>Thiệp</u> CÁC TRƯỞNG TY CÔNG AN CÔNG AN QUẬN 3	

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên Chúa	
	NGON TRÓ TRÁI
	NGON TRÓ PHẢI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH Sọc tròn 0,5cm cách 2cm trên trước đuôi mày trái.	
Ngày <u>03</u> tháng <u>01</u> năm <u>1979</u> T. <u>TRẦN THIỆN CHỨA</u> <u>Thiệp</u> CÁC TRƯỞNG TY CÔNG AN CÔNG AN QUẬN 3	

Dấu vết riêng: <u>Tàn</u> <u>ng</u> <u>1</u> trên đầu mày phải	
Chữ ký được sự: <u>Thiệp</u>	Ngày <u>17</u> tháng <u>4</u> năm <u>1987</u>
Saigon, ngày <u>25-04-1974</u> T. <u>CHỈ HUY TRƯỞNG CSQG/TH</u> <u>Chỉ-Huy Phó CSQG Quận 3</u> <u>TRẦN-VĂN-MINH</u>	

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên chúa	
	NGON TRÓ TRÁI
	NGON TRÓ PHẢI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH Sọc chấm cách 1cm trên trước đầu mày trái	
Ngày <u>10</u> tháng <u>12</u> năm <u>1987</u> T. <u>TRẦN THIỆN CHỨA</u> <u>Thiệp</u> CÁC TRƯỞNG TY CÔNG AN CÔNG AN QUẬN 3	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **021568150**

Họ tên: **DƯƠNG THỊ THU TÂM**

Sinh ngày: **21-8-1964**

Nguyên quán:

Hà Nam-Ninh.

Nơi thường trú: **443/46 Ng-V-1 r01**
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022108474**

Họ tên: **DƯƠNG VĂN THẮT**

Sinh ngày: **15-01-1939**

Nguyên quán: **Gia-Viên,**

Hà Nam-Ninh

Nơi thường trú: **443/46 Lê-Văn-Sĩ,**
P.22, Q.3, TP. Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN
T.P. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG TRUNG HỌC
VĂN HÓA NGHỆ THUẬT

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: **17/AN/ICN/KG**

Họ và Tên: **DƯƠNG TIẾN DUNG**

Sinh ngày: **1966** tại **Số 105**

Học viên lớp **2m văn học 6**

Chuyên ban **AM NHAC**

Hệ **T.H.CN** khóa **C**

Năm học **1985 / 1986**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022247676**

Họ tên: **DƯƠNG THỊ MAI LOAN**

Sinh ngày: **09-5-1969**

Nguyên quán: **Thanh Quyết,**

Hà Nam Ninh.

Nơi thường trú: **443/46 Lê Văn-Sĩ,**
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020630116**

Họ tên: **DƯƠNG QUỐC CÔNG**

Sinh ngày: **01-7-1962**

Nguyên quán: **Mưu Giáp,**

Hà Nam Ninh.

Nơi thường trú: **443/46 Ng-Văn-**
Tr01, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.

VIỆT-NAM CHÙA HÒA
THẺ CÁN QUỐC

Số: **03902988**

Họ Tên: **NGUYỄN THỊ LAN**

Nơi sinh: **2-2-1961**

Trước đây: **Ninh Bình**

Chức vụ: **Trưởng ban**

Mã: **03902988**

Đã chỉ: **443/46 Ng-Văn-Tr01, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022108461**

Họ tên: **DƯƠNG THỊ KIM LOAN**

Sinh ngày: **01-2-1971**

Nguyên quán: **Gia-Viên,**

Hà Nam-Ninh

Nơi thường trú: **443/46 Lê-Văn-Sĩ,**
P.22, Q.3, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên Chúa	
	NGON TRÓ TRÁI
	NGON TRÓ PHẢI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH Sọc chấm cách 0,5cm sau mày phải.	
Ngày <u>22</u> tháng <u>4</u> năm <u>1986</u> T. <u>TRẦN THIỆN CHỨA</u> <u>Thiệp</u> CÁC TRƯỞNG TY CÔNG AN CÔNG AN QUẬN 3	

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên chúa	
	NGON TRÓ TRÁI
	NGON TRÓ PHẢI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH Sọc chấm cách 1cm trên trước đuôi mày phải	
Ngày <u>11</u> tháng <u>12</u> năm <u>1987</u> T. <u>TRẦN THIỆN CHỨA</u> <u>Thiệp</u> CÁC TRƯỞNG TY CÔNG AN CÔNG AN QUẬN 3	

Năm thứ _____	Đặc điểm nhận dạng
19 ____/19 ____	Địa chỉ thường trú <u>443/46</u> <u>Lê Văn Sĩ</u>
	Cao _____ nặng _____
	Dấu vết riêng theo CMND
Năm thứ _____	Ngày _____ tháng _____ năm 198
19 ____/19 ____	<u>TRẦN THIỆN CHỨA</u> <u>Thiệp</u> CÁC TRƯỞNG TY CÔNG AN CÔNG AN QUẬN 3

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên chúa	
	NGON TRÓ TRÁI
	NGON TRÓ PHẢI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH Sọc chấm cách 2cm trên sau đầu mày trái	
Ngày <u>18</u> tháng <u>12</u> năm <u>1985</u> T. <u>TRẦN THIỆN CHỨA</u> <u>Thiệp</u> CÁC TRƯỞNG TY CÔNG AN CÔNG AN QUẬN 3	

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên Chúa	
	NGON TRÓ TRÁI
	NGON TRÓ PHẢI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH Sọc tròn 0,5cm cách 2cm trên trước đuôi mày trái.	
Ngày <u>03</u> tháng <u>01</u> năm <u>1979</u> T. <u>TRẦN THIỆN CHỨA</u> <u>Thiệp</u> CÁC TRƯỞNG TY CÔNG AN CÔNG AN QUẬN 3	

Dấu vết riêng: <u>Tàn</u> <u>ng</u> <u>1</u> trên đầu mày phải	
Chữ ký được sự: <u>Thiệp</u>	Ngày <u>17</u> tháng <u>4</u> năm <u>1987</u>
Saigon, ngày <u>25-04-1974</u> T. <u>CHỈ HUY TRƯỞNG CSQG/TH</u> <u>Chỉ-Huy Phó CSQG Quận 3</u> <u>TRẦN-VĂN-MINH</u>	

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên chúa	
	NGON TRÓ TRÁI
	NGON TRÓ PHẢI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH Sọc chấm cách 1cm trên trước đầu mày trái	
Ngày <u>10</u> tháng <u>12</u> năm <u>1987</u> T. <u>TRẦN THIỆN CHỨA</u> <u>Thiệp</u> CÁC TRƯỞNG TY CÔNG AN CÔNG AN QUẬN 3	

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 329845 CN

Họ và tên chủ hộ:

Nguyễn Thị Lan

Ấp, ngõ, số nhà:

AH3/A6

Thị trấn, đường phố:

Nguyễn Văn Bền

Xã, phường:

ĐƯỜNG MƯỜI HAI

Huyện, quận:

Ngày 10 tháng 3 năm 1982

Trưởng công an:

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Số NK 3:

NGUYỄN VĂN BỀN

;

2N CGK
(HIMMEL)
[Signature]
THOMAS

ĐOÀN LÊN VÀ CẤP
TRAI HIA TRAI

36/40 / 537

Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc.

Đến Trung, Ngày 11 tháng 01 năm 1984

ĐOÀN AN TP. HỒ CHÍ MINH
ĐÁ TRÌNH ĐIỆN

Ngày 20 tháng 12 năm 1984
PHÒNG CS. AN CẤP VÀ CẤP

0 0 : 0 : 8 : 7 : 8 : 1 : 6 : 0 : 0 : 2

CHỈ RA TRAI

Căn cứ ở thị xã Trà My, ngày 22 tháng 6 năm 1977
Thủ tướng Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
chính sách đối với hình sự nhân viên cơ quan chính quyền cũ
chủ độ cũ và đảng phái phản động hiện tại bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng Nội vụ số 07 tháng 11
năm 1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thủ tướng quyết định số: 112/1983/QĐ-ĐT, ngày 12/12/1983
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CHỈ RA TRAI

Họ và tên: Dương Văn Thát sinh năm: 1949

Hiện ở: Ninh Bình

Trình độ: 12/12/1983 Nguyễn Văn Tấn, Giám 3 TP. HCM

Số lệnh: 39/149/83 Cấp: Đại úy

Chức vụ: phụ tá ban 3 ĐPQ

Trong quá trình chỉnh đốn quân sự và công tác chính trị

Lý do: cai tạo Khá

Đã được tập trung chỉnh đốn quân sự và công tác chính trị

thành phần: Hồ Chí Minh và một số thành viên khác

Đã được tập trung chỉnh đốn quân sự và công tác chính trị

Thời gian được: 12 tháng

Thời gian ở: 04 (trên địa bàn của tỉnh)

Hiện và lương: 200.000

Lệnh này có giá trị pháp lý: Cấp 1 của người

- Chỉ: Dương Văn Thát (chữ ký)

- Chức vụ: 38/83

- Tên gọi: Quân sự

Căn cứ ở thị xã Trà My, ngày 22 tháng 6 năm 1977



THỦ TƯỚNG
LÊ HỮU PHÚC

Ch. I 22

X/n. có lời trình diện tại Hq phòng

ngày 16 01.84

H. M. S. H. M.



Final

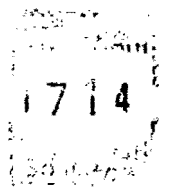
To: Hq. Phòng



From *Đường Văn Thất*
HH3/H.L. Phriday 22
LEUANSI TP HCM



JUN 29 1981



✓ 8^h
15.1.8

2 *thần
nhân*



BY AIR MAIL
PARAVION

To Families of Vietnamese
Political Prisoners Association
P.O. box 5435, ARLINGTON
VA 22205 - 0635



U.S.A

Dường Văn Cát
443/46 Lê Văn Sĩ
F.12 - Q.3. TP Hồ Chí Minh

**MAY HAY
PAR AVION**



VIETNAM
4000
20/05/75



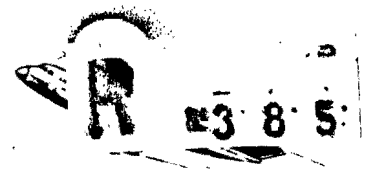
VIETNAM
9740
20/05/75

TO

P.O. BOX 5435.

ARLINGTON, VA 22205-0635

USA.



PAR AVION VIA AIR MAIL

NG. Dương văn Chất.
43/45 Lê văn Sĩ

VIETNAM
12 Q.3.
P. 9680 Chi Minh.

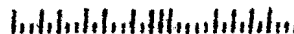
DEC 02 1988

P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

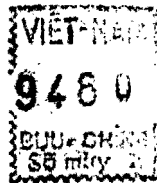
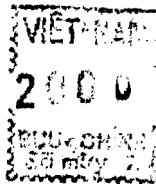


VIA AIR MAIL

PAR AVION



Đông Văn Bhat.
443/46 Lê Văn Sỹ. P. 12. Q. 3.
T/P Hồ Chí Minh
Việt Nam.



JUN 21 1989

R 9

P. O. BOX 5435

ARLINGTON, VA. 22205. 0635

USA



VIA AIR MAIL

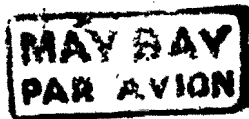
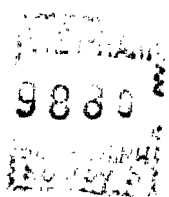
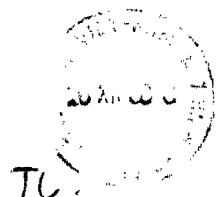


PAR AVION

FROM:

Đường văn Lát
443/46 Lê văn Sĩ

F.12-Q3.TP.Hồ Chí Minh



P.O. BOX. 5435.

ARLINGTON, VA. 22205-0635
USA



PAR **A** 3 8 6 AIR MAIL

CONTROL

8 Card
 Doc. Request; Form
 Release Order
 Computer
 Form 'D'
 ODP/Date _____
 Membership; Letter

5/10